

Số: **478/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Lê Phương D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Trần Lê Phương D.

[2] Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Đức M sinh ngày 11/01/2004 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Vinh Q sinh ngày 23/5/2010 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi trẻ M là 2.000.000đồng/tháng. Thực hiện vào ngày 30 hàng tháng, thi hành việc cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 7/2020 cho đến khi con trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có và không nợ ai

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông N và bà D chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N và bà D đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0020963 ngày 04/6/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Trần Lê Phương D. Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà D theo giấy chứng nhận kết hôn số 171/2000 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/9/2000 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung : Giao con chung là trẻ Nguyễn Đức M sinh ngày 11/01/2004 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Vinh Q sinh ngày 23/5/2010 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi trẻ M là 2.000.000đồng/tháng. Thực hiện vào ngày 30 hàng tháng, thi hành việc cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 7/2020 cho đến khi con trưởng thành.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Trong trường hợp bà D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà D.

Trong trường hợp bà D, ông N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà D, ông N hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông N chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có và không nợ ai.

2. Về lệ phí Tòa án : 300.000 đồng ông N và bà D chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N và bà D đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0020963 ngày 04/6/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- UBND phường P, Q.Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương